

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 86/2022/HS-ST
Ngày: 29-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Cảnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Ngọc Trứ**.

2. Ông **Đặng Thế Ứng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Nhân** - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: Ông **Võ Thành Đạt** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

- Họ và tên: **N M T**;

Giới tính: Nam

- Tên gọi khác: Không;

- Sinh ngày 16/7/1987;

Nơi sinh: tỉnh Vĩnh Long.

- Đăng ký thường trú: Số 249/6/8 đường P, Phường, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long;

- Nghề nghiệp: Không;

- Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không.

- Trình độ văn hóa: 01/12;

- Cha: **N N Đ**, sinh năm 1955 (đã chết);

- Mẹ: **H T H**, sinh năm 1958 (đã chết);

- Bị cáo chưa có vợ, con;

- Tiền án: Không;

- Tiền sự: Không;

- Đặc điểm nhân thân:

+ Ngày 13/9/2016, N M T bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 105/2016/HSST. N M T chấp hành xong bản án ngày 06/10/2016.

+ Ngày 22/01/2020, N M T bị Công an Phường 9, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. N M T chấp hành xong ngày 18/02/2020.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/6/2022, chuyển tạm giam từ ngày 17/6/2022 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

** Người bị hại:*

1. Chị **D T N D**, sinh 1989; (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị **N T T**, sinh năm 1971; (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần tiền tiêu xài, khoảng 15 giờ ngày 10/6/2022, N M T, sinh năm 1987, cư trú: số 249/6/8 đường P, Phường , thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đi xe buýt từ nhà đến Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy thuộc khu phố , phường , thị xã C, tỉnh Tiền Giang mục đích tìm tài sản để lấy trộm. Đến nơi, khoảng 20 giờ cùng ngày, T lên lầu 1 Khoa sản, thấy trong phòng hộ sinh trực không có người trông coi, lợi dụng sơ hở T đi vào phòng và lấy trộm một điện thoại di động hiệu SamSung A22 của chị D T N D, sinh năm 1989, cư trú: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang đang sạc pin để trên một thùng xốp sát vách tường. T bỏ điện thoại này vào túi quần bên phải, rồi đi đến mở túi xách đặt trên tủ trong phòng nghỉ lấy trộm một điện thoại Nokia loại TA-1174 của chị N T T, sinh năm 1971, cư trú: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Lúc này, có bà Nguyễn O N, sinh năm 1966, cư trú: khu phố , phường , thị xã C, tỉnh Tiền Giang là nữ hộ sinh vào phòng phát hiện, truy hô rồi cùng chị Võ A T, sinh năm 1987, cư trú: ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; chị Nguyễn T T T, sinh năm 1988, cư trú: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và chị D truy đuổi T. T chạy được khoảng 10m thì té ngã nên bị bắt; anh Trần X L, sinh năm 1981, cư trú: ấp 5A, xã P C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là bảo vệ của Bệnh viện nghe chạy đến chỗ T bị bắt rồi điện thoại báo Công an Phường 4, thị xã C đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng vụ án.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) điện thoại di động SamSung A22, vỏ màu đen;
- 01 (một) ốp lưng điện thoại SamSung A22;
- 01 (một) miếng dán cường lực màn hình điện thoại SamSung A22;
- 01 (một) sim điện thoại di động của nhà mạng Viettel số 0366860673;
- 01 (một) sim điện thoại di động của nhà mạng Mobiphone 0939529575;

- 01 (một) sim điện thoại di động của nhà mạng Vinaphone số 0949857260;
- 01 (một) điện thoại Nokia, loại TA-1174, vỏ màu hồng;
- Tiền Việt Nam: 170.000 đồng tạm giữ trên người N M T, được niêm phong;
- 01 (một) tờ 02 (hai) đô la Mỹ tạm giữ trên người N M T, được niêm phong;
- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên N M T;

Bản kết luận định giá tài sản số 45 ngày 11/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã C kết luận 01 (một) điện thoại SamSung A22 trị giá 4.680.000 đồng; 01 (một) ốp lưng điện thoại SamSung A22 trị giá 45.000 đồng; 01 (một) miếng dán màn hình điện thoại SamSung A22 trị giá 72.000 đồng; 01 (một) sim điện thoại của nhà mạng Viettel trị giá 25.000 đồng; 01 (một) sim điện thoại của nhà mạng Mobiphone trị giá 25.000 đồng; 01 (một) sim điện thoại của nhà mạng Vinaphone trị giá 25.000 đồng; 01 (một) điện thoại Nokia TA-1174 trị giá 50.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 4.922.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Ngày 21/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã trao trả 01 (một) điện thoại SamSung A22, phụ kiện đi kèm cùng 02 (hai) sim điện thoại này cho chị D T N D và 01 (một) điện thoại Nokia TA-1174 kèm sinh điện thoại này chị N T T.

Về trách nhiệm dân sự: Chị D T N D và chị N T T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu T bồi thường.

Bản cáo trạng số 66/CT-VKSTXCL ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo N M T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: bị cáo N M T đã thừa nhận hành vi phạm tội. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo N M T về tội trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T tù 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ là ngày 11/6/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị D T N D và chị N T T không yêu cầu bị cáo T bồi thường, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo T 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên N M T; số tiền Việt Nam là 170.000 đồng; 01 (một) tờ 02 đô la Mỹ.

Tại phiên tòa bị cáo N M T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, bị cáo không có ý kiến gì tranh luận mà xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Việc vắng mặt người bị hại chị D T N D và chị N T T: Xét thấy, chị D, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và trong hồ sơ đã có lời khai của người bị hại, việc vắng mặt chị D, chị Thúy không làm ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo T. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt phía người bị hại.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo N M T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là: Vào khoảng 20 giờ, ngày 10/6/2022, tại phòng hộ sinh trực, Khoa sản Bệnh viện Đa khoa khu vực C thuộc khu phố , phường , thị xã C, tỉnh Tiền Giang, N M T có hành vi lén lút lấy trộm của chị D T N D 01 (một) điện thoại di động SamSung A22, phụ kiện đi kèm cùng sim điện thoại và của chị N T T 01 (một) điện thoại di động Nokia TA-1174 cùng sim điện thoại. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 4.922.000 đồng. Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo N M T phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được luật pháp nhà nước ta bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm khắc, mà cụ thể trong vụ án này là tài sản của người bị hại chị D và chị Th. Bị cáo đã lợi dụng lúc tối, phòng trực hộ sinh không có người và sự mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội rất liều lĩnh là vào Bệnh viện để trộm tài sản, điều đó thể hiện bị cáo có thái độ xem thường pháp luật nên cần thiết phải xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt phần nào cho bị cáo.

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ số vật chứng gồm :

- Tiền Việt Nam: 170.000 đồng tạm giữ trên người N M T, được niêm phong;
- 02 (hai) đô la Mỹ tạm giữ trên người N M T, được niêm phong;
- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên N M T;

Xét thấy: Đây là tài sản của bị cáo nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Phía bị hại chị D T N D và chị N T T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai thể hiện trong hồ sơ không yêu cầu bị cáo T bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo N M T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét ý kiến và đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **N M T** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **N M T 01 (một) năm tù**, thời hạn tù được tính từ ngày 11/6/2022.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo N M T:

- Tiền Việt Nam: 170.000 đồng tạm giữ trên người N M T, được niêm phong;
- 02 (hai) đô la Mỹ tạm giữ trên người N M T, được niêm phong;
- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên N M T;

(Vật chứng trên được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy lập ngày 17/11/2022).

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo N M T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 ngày 29 tháng 11 năm 2022;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Ngọc Trứ**.

2. Ông **Đặng Thế Ứng**.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số thụ lý số 57/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022 đối với:

- Bị cáo: **N M T**, sinh ngày 16/7/1987;
- Đăng ký thường trú: Số 249/6/8 đường P, Phường , thành phố V, tỉnh Vĩnh Long;
Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về hình sự:

1. Tuyên bố bị cáo **N M T** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **N M T 01 (một) năm tù**, thời hạn tù được tính từ ngày 11/6/2022.

Kết quả biểu quyết: 03/3.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo **N M T**:

- Tiền Việt Nam: 170.000 đồng tạm giữ trên người **N M T**, được niêm phong;
- 02 (hai) đô la Mỹ tạm giữ trên người **N M T**, được niêm phong;
- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên **N M T**;

(Vật chứng trên được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy lập ngày 17/11/2022).

Kết quả biểu quyết: 03/3.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **N M T** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 03/3.

4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 03/3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút....., ngày 29 tháng 11 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

